

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VIỆT NAM HỌC

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN
CẤP KHOA NĂM 2017

**Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer: Vai trò trong
phát triển ngành du lịch văn hoá tỉnh Trà Vinh,
thực trạng và giải pháp**



TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA VIỆT NAM HỌC

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN
CẤP KHOA NĂM 2017

**Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer: Vai trò trong
phát triển ngành du lịch văn hoá tỉnh Trà Vinh,
thực trạng và giải pháp**

Chủ nhiệm:	Kim Ji Won	145VNH0020
Thành viên:	Moon Ki Bbeum	145VNH0040
	Lee Min Ji	155VNH0040
	Oh Woon Sic	145VNH0042
	Kim Tae Woo	145VNH0026
	Han Jae Sung	145VNH0004
	Lee Eun Byul	135VNH0019
Người hướng dẫn:	ThS. Phạm Lê Ánh Vân	

TP. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2017

MỤC LỤC

TÓM TẮT.....	5
---------------------	----------

MỞ ĐẦU.....	6
--------------------	----------

1. Lí do chọn đề tài.....	6
2. Tình hình nghiên cứu	6
3. Mục đích nghiên cứu	7
4. Phương pháp nghiên cứu	7
5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	8

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VĂN HOÁ Ở TỈNH TRÀ VINH VÀ BẢO TÀNG VĂN HOÁ DÂN TỘC KHMER..	9
--	----------

1.1. Một vài thông tin và số liệu liên quan đến ngành du lịch tỉnh Trà Vinh và các hoạt động du lịch văn hoá của tỉnh	9
1.2. Giới thiệu Bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh.....	12
1.2.1. Vị trí và lịch sử hình thành	12
1.2.2. Kiến trúc và thiết kế.....	14

CHƯƠNG 2: VAI TRÒ VÀ TIỀM NĂNG CỦA BẢO TÀNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ	17
---	-----------

2.1. Những hiện vật được trưng bày tại bảo tàng.....	17
2.2. Vai trò và tiềm năng của bảo tàng.....	24
2.2.1. Trong bảo tồn, giao lưu văn hoá.....	24
2.2.2. Trong phát triển ngành du lịch văn hoá	27

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ.....	29
3.1. Thực trạng về hoạt động của bảo tàng	29
3.1.1. Về quản lí và nhân sự	29
3.1.2. Về tài chính và cơ sở vật chất.....	30
3.2. Kiến nghị.....	32
3. KẾT LUẬN.....	35
 4. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	 37
 PHỤ LỤC.....	 39
Giới thiệu địa bàn nghiên cứu và thời gian đi thực tế.....	39
Danh sách cộng tác viên	40
Danh sách câu hỏi phỏng vấn sâu phân loại theo đối tượng phỏng vấn	41
Hình ảnh tư liệu.....	51

❖ TÓM TẮT

Báo cáo nghiên cứu khoa học đề tài “Tìm hiểu chung về bảo tàng Văn hoá dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh” gồm có ba chương: Trong chương một, chúng tôi giới thiệu khái quát các hoạt động du lịch văn hoá diễn ra trong địa bàn tỉnh Trà Vinh, cung cấp một vài số liệu nhóm nghiên cứu thu thập được từ Sở Du lịch tỉnh Trà Vinh về mức tăng trưởng du lịch của tỉnh. Trong chương đầu tiên, chúng tôi cũng giới thiệu vị trí, lịch sử hình thành, kiến trúc và thiết kế của bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer.

Trong chương hai, đầu tiên chúng tôi giới thiệu sơ lược về các hiện vật được trưng bày tại bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer một cách chi tiết. Hiện bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh đã thu thập được khoảng 1,000 hiện vật nhưng chỉ trưng bày hơn 200 hiện vật trong 4 gian trưng bày ở tầng một của bảo tàng. Đầu tiên chúng tôi giới thiệu chủ đề của từng gian trưng bày theo thứ tự do bảo tàng sắp xếp, sau đó giải thích tên gọi cũng như ý nghĩa lịch sử hoặc ý nghĩa văn hoá của một vài hiện vật quan trọng. Trong phần thứ hai của chương hai, chúng tôi phân tích vai trò và tiềm năng của bảo tàng trong hai lĩnh vực quan trọng, thứ nhất là vai trò của bảo tàng trong bảo tồn và giao lưu văn hoá, thứ hai là trong quảng bá du lịch văn hoá và phát triển ngành du lịch.

Trong chương ba, chúng tôi trình bày về thực trạng tình hình hoạt động của bảo tàng hiện nay và những khó khăn hạn chế mà chúng tôi thu thập được qua khảo sát thực tế và phỏng vấn những người có liên quan. Chúng tôi cũng đưa những kiến nghị để cải thiện những hạn chế này.

Cuối cùng, trong phần kết luận, chúng tôi tóm lược lại những điểm chính của báo cáo và nhấn mạnh mối liên kết giữa hoạt động của bảo tàng với phát triển du lịch, đơn cử là trường hợp Bảo tàng Văn hoá dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Du lịch văn hóa là một khái niệm còn khá mới mẻ đối với Việt Nam nhưng đã có một lịch sử lâu dài trên thế giới. Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO - World Tourism Organization) từng thống kê du lịch văn hóa đóng góp khoảng 50% du lịch toàn cầu và dự báo có thể tăng khoảng 10-15% mỗi năm. Bên cạnh những loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hóa được xem là loại sản phẩm đặc thù của các nước đang phát triển, do không cần khoản đầu tư lớn mà tận dụng nguồn tài nguyên tự nhiên và những sản phẩm văn hóa như lễ hội truyền thống dân tộc, hoạt động tín ngưỡng để tạo sức hút đối với khách du lịch bản địa và du khách từ khắp nơi trên thế giới. Chúng tôi chọn đề tài này vì Trà Vinh là tỉnh có ba cộng đồng Kinh, Khmer, Hoa sinh sống, có những sản phẩm văn hoá đa dạng, tuy nhiên, đời sống kinh tế còn khó khăn, vẫn còn những khu vực cần thực hiện xóa đói giảm nghèo, ngành du lịch chưa phát triển mạnh vì chưa có đủ kinh phí đầu tư, do vậy, loại hình du lịch văn hoá là rất phù hợp cho hướng phát triển của ngành du lịch tỉnh này. Chúng tôi cũng muốn có cơ hội tìm hiểu về văn hoá và lịch sử của người Khmer Nam Bộ, tiếp xúc với người Khmer và tìm hiểu về tập quán sinh hoạt cũng như các sản phẩm thủ công nghệ thuật của họ. Cuối cùng là vì chúng tôi được biết Bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh là một trong hai bảo tàng về văn hoá Khmer ở Việt Nam, nơi có nhiều hiện vật không thể tìm thấy ở những nơi khác, tuy nhiên, bảo tàng lại không được nhắc đến nhiều trong các chương trình tour du lịch miền Tây và tỉnh Trà Vinh, đây là một trong những lí do chính chúng tôi chọn nghiên cứu bảo tàng này để tìm hiểu nguyên nhân vì sao hoạt động của bảo tàng chưa được xem trọng.

2. Tình hình nghiên cứu

Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết các nhà nghiên cứu ở Việt Nam những năm gần đây quan tâm nhiều đến vai trò của du lịch văn hoá, du lịch di sản trong phát triển nền kinh tế, và có nhiều nghiên cứu cấp nhà nước cũng như cá nhân về tiềm năng của bảo tàng và sự liên kết giữa hoạt động của bảo tàng với các hoạt động du lịch khác trong phát triển du lịch Việt Nam. Một trong những bài báo khoa học mà chúng tôi tìm được có nội dung liên

quan đến đề tài của chúng tôi và được xuất bản gần đây nhất là bài của ThS. Phan Thanh Đoàn, cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Trà Vinh, đăng ngày 10/10/2016 trên tạp chí Tuyên Giáo, về “Tiềm năng phát triển du lịch văn hoá ở tỉnh Trà Vinh”, trong đó nhấn mạnh vai trò của các hoạt động văn hóa tính ngưỡng và lễ hội ở Trà Vinh trong phát triển du lịch văn hoá, nhưng không đề cập nhiều đến hoạt động của Bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer và vai trò, tiềm năng của bảo tàng này. Kể cả trong những tài liệu giới thiệu về lịch sử hình thành của bảo tàng mà chúng tôi thu thập được, những thông tin nói trên cũng chỉ được lặp lại giống nhau, không có tài liệu nào phân tích các chức năng của bảo tàng trong đó có chức năng giải trí thưởng thức giải trí, quảng bá văn hoá, và cung cấp dịch vụ cho ngành du lịch.

3. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của chúng tôi là tìm hiểu về các hiện vật được trưng bày tại bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh, ý nghĩa lịch sử và văn hoá của chúng, thực trạng về hoạt động của bảo tàng hiện nay. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn tìm hiểu suy nghĩ của người dân địa phương và những người làm trong các ngành du lịch - dịch vụ đối với bảo tàng và các hoạt động văn hoá liên quan đến bảo tàng, tìm hiểu nhận định của giới chuyên gia về vai trò và tiềm năng của bảo tàng, ý kiến của cán bộ các sở ban ngành của tỉnh Trà Vinh về kế hoạch đầu tư quảng bá cho du lịch văn hoá và di sản của tỉnh. Sau đó chúng tôi liên hệ với những trường hợp tương tự ở các quốc gia khác trên thế giới và đưa ra các giải pháp giúp nâng cao vai trò và hoạt động của bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer, nhằm mục đích phát triển du lịch tỉnh Trà Vinh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phương pháp quan sát tham dự; phương pháp phỏng vấn sâu; phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp phân loại và hệ thống.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Chúng tôi khảo sát các hiện vật được trưng bày tại bảo tàng và nghiên cứu ý nghĩa của những hiện vật này trong lịch sử và văn hoá của người Khmer, đồng thời tìm hiểu thực trạng về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh, từ những thông tin đã nêu, chúng tôi liên hệ với vai trò của bảo tàng trong bảo tồn, giao lưu văn hoá và phát triển du lịch văn hoá để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao vai trò của bảo tàng đối với hai ngành văn hoá và du lịch. Vì thời gian khảo sát có hạn (10 ngày) nên chúng tôi chỉ tìm hiểu ý nghĩa của một số hiện vật và một số hoạt động du lịch văn hoá ở địa phương, sau đó đề ra những giải pháp nhóm nghiên cứu xem là quan trọng và khả thi nhất. Đề tài cũng chỉ tập trung phân tích khái quát vai trò và tiềm năng của bảo tàng đối với hai ngành văn hoá và du lịch, mặc dù chúng tôi biết bảo tàng còn có nhiều chức năng và vai trò khác trong các lĩnh vực giáo dục, khoa học, và nghiên cứu.

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VĂN HOÁ Ở TỈNH TRÀ VINH VÀ BẢO TÀNG VĂN HOÁ DÂN TỘC KHMER

1.1. Một vài thông tin và số liệu liên quan đến ngành du lịch tỉnh Trà Vinh và các hoạt động du lịch văn hoá của tỉnh

Theo thông tin thu thập được từ buổi gặp và phỏng vấn ông Võ Thanh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Trà Vinh, nhóm nghiên cứu được cho biết ngành du lịch tỉnh Trà Vinh có xuất phát điểm thấp hơn những tỉnh lân cận. Do đó, tổng doanh thu ngành du lịch của tỉnh còn thấp so với các tỉnh khác thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nguyên nhân là vì chỉ những năm gần đây tỉnh Trà Vinh mới bắt đầu quan tâm phát triển du lịch. Theo số liệu thống kê do Sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch (Sở VH-TT-DL) tỉnh Trà Vinh cung cấp cho nhóm nghiên cứu, năm 2016, tổng GDP của tỉnh là hơn 1000 tỉ, trong đó du lịch chiếm 109 tỉ, hơn 1%. So với năm 2015 tăng 1.6%. Số khách du lịch đến Trà Vinh cũng tăng 1,7% so với năm trước, trong 468.000 lượt khách đến Trà Vinh năm 2016 có 12.840 du khách quốc tế. Trong cùng năm này, Sở VH-TT-DL đã tổ chức 12 cuộc triển lãm và 2 lễ hội lớn. Trong 12 triển lãm đó, có 3 triển lãm gắn với lễ hội Ok Om Bok thu hút hàng ngàn người tham gia. Lễ hội Ok Om Bok tỉnh Trà Vinh năm 2016 vừa qua được tổ chức song song với Hội chợ Thương mại Xúc tiến Tiêu thụ Nông sản với gần 400 gian hàng tham gia. Trong đợt lễ hội này, khu di tích lịch sử Đền thờ Bác Hồ, Bảo tàng VHDT Khmer, các khu di tích lịch sử khác trong tỉnh đã đón tiếp 150.045 lượt khách đến viếng, tham quan, trong đó có 2.475 khách nước ngoài.

Trong các lễ hội và sự kiện văn hoá được tổ chức thường niên ở Trà Vinh, ba lễ hội thu hút nhiều du khách nhất là: lễ hội Ok Om Bok của người Khmer, Vu Lan Thắng Hội hay còn gọi là Lễ cúng Ông Bồn của người Hoa, và lễ Nghinh Ông của người Kinh. Lễ hội Ok Om Bok hàng năm được tổ chức ở Ao Bà Om, thuộc quần thể di tích Ao Bà Om - Chùa Âng - Bảo tàng VHDT Khmer.

❖ Lễ hội Ok Om Bok



Hình 1: Lễ hội Ok Om Bok (nguồn: Internet)



Hình 2: Thả đèn nước trong Lễ hội Ok Om Bok (nguồn: Internet)

Lễ hội Ok Om Bok còn được gọi là lễ Cúng Trăng, là một trong ba lễ chính của người Khmer Nam bộ (Sene Đolta, Ok Om Bok và Chôl Chnam Thmây), được tổ chức vào dịp Rằm tháng 10 âm lịch hằng năm, là thời điểm mùa mưa chuyển sang mùa khô, mùa gieo trồng chuyển sang mùa thu hoạch. Theo quan niệm tín ngưỡng của người Khmer, mặt trăng là vị thần cai quản thời tiết và mùa màng trong năm. Lễ cúng Trăng thường được tổ chức tại phum sóc, ở sân chùa hay khuôn viên nhà. Người Khmer cúng tạ ơn thần Mặt Trăng trong năm đã cho mưa thuận gió hòa, giúp mùa màng bội thu và cầu cho năm tới, thời tiết được thuận lợi, giúp người dân trúng mùa.

Hằng năm, vào dịp lễ hội Ok Om Bok, hàng ngàn người Khmer tập trung tại khu di tích văn hóa Ao Bà Om đồng thời lễ hội này thu hút du khách các nơi về tham gia lễ hội. Tại đây, ngoài nghi lễ cúng Trăng, các hoạt động sôi nổi khác cũng được người dân tiến hành, trong đó nổi bật nhất là đua ghe Ngo và thả đèn nước. Ghe Ngo dài khoảng 20m, bề ngang khoảng 1,2m chở được 40-60 người, mỗi chiếc ghe được trang trí hoa văn sắc sảo, và có biểu tượng hình con thú ở đầu ghe. Đua ghe Ngo được xem là một sự kiện văn hóa thể thao đặc trưng của người Khmer. Lễ thả đèn nước - một loại đèn làm bằng thân và bẹ chuối, bên trong bày đồ cúng, có ý nghĩa là để tưởng nhớ dấu chân của Đức Phật trên sông “Na Mi Thi”.

Năm 2014, Bộ VH-TT-DL công nhận lễ hội Ok Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

❖ Lễ Vu Lan Thắng Hội



Hình 3: Lễ hội Vu Lan Thắng Hội
(nguồn: Internet)



Hình 4: Lễ hội Vu Lan Thắng Hội
(nguồn: Internet)

Thờ Ông Bồn là một tín ngưỡng đặc trưng của cộng đồng người Hoa tại Đông Nam Á. Vạn Niên Phong cung là ngôi chùa thờ Ông Bồn tiêu biểu tại thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Vào dịp rằm tháng 7 hàng năm (từ ngày 25/7 đến 28/7 âm lịch) người dân trong và ngoài tỉnh tập trung quanh khu vực này để tham dự lễ Cúng Ông Bồn, hay còn gọi là Vu Lan Thắng Hội. Vu Lan Thắng Hội Cầu Kè là một trong những lễ hội dân gian tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc ở Trà Vinh và thu hút hàng chục ngàn lượt khách mỗi năm. Vu lan thắng hội Cầu Kè có nhiều lễ thức diễn ra trong 4 ngày lễ hội nhưng độc đáo nhất và thu hút nhiều người tham gia nhất là nghi thức Đánh Động được tổ chức ngày đầu tiên. Nghi thức này mô phỏng truyện Tây Du Kí, trong đó một đoàn người do thầy trò Đường Tăng dẫn đầu, đi từ Vạn niên phong cung đến các ngôi chùa Khmer, và đình chùa của người Kinh để diễn lại tích “Tam Tạng đi thỉnh kinh”. Trên đường đi, đoàn rước tiến hành diệt trừ ma quái, xua đi mọi điều xui rủi, ban phước lành cho người dân địa phương. Lễ cuối cùng trong Lễ Vu lan Thắng hội là Lễ tạ thần diễn ra vào sáng ngày 29/7. Lễ này hàm ý tạ ơn Phật, thánh, thần đã phù hộ cho dân chúng mạnh khỏe, và lễ hội diễn ra suôn sẻ.

❖ Lễ Nghinh Ông



Hình 5: Lễ hội Nghinh Ông Trà Vinh
(nguồn: Internet)



Hình 6: Cúng cá voi trong Lễ hội Nghinh Ông
(nguồn: Internet)

Lễ Nghinh Ông, hay còn gọi là lễ Cúng Biển, diễn ra từ ngày 10/5 đến 12/5 âm lịch hàng năm tại làng biển Mỹ Long (huyện Cầu Ngang), tỉnh Trà Vinh. Lễ hội này xuất phát từ tín ngưỡng thờ Đức Ông Nam Hải (cá Voi) của ngư dân. Lễ hội được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1920 và được người dân địa phương thực hiện cho đến ngày nay. Nghi lễ được tổ chức gồm 6 phần chính: Nghinh ông Nam Hải bằng tàu biển, giỗ tiền chức, chánh tế, chánh tế bà Chúa Xứ, nghinh ngũ phương và lễ tiễn tàu ra khơi. Ngoài phần nghi thức, lễ hội còn có các trò chơi dân gian phục vụ khách tham gia lễ hội. Ý nghĩa của lễ Cúng biển là nhằm thể hiện lòng biết ơn của ngư dân đối với biển cả, cầu mong biển không sóng to gió lớn, và cho nhiều tôm cá để đảm bảo cuộc sống ấm no là người dân làm nghề biển. Hàng năm, Lễ hội Nghinh Ông huyện Cầu Ngang thu hút hàng chục ngàn du khách và năm 2014, lễ hội này cũng được Bộ VH-TT-DL công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

1.2. Giới thiệu Bảo tàng Văn hoá Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh

1.2.1. Vị trí và lịch sử hình thành

Bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh nằm trong quần thể di tích Ao Bà Om - Chùa Ăng – Bảo tàng; tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh là một trong hai bảo tàng văn hóa Khmer lớn nhất ở Việt Nam. Bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh được xây dựng năm từ 1992 đến 1996, năm 1997 chính thức đưa vào hoạt động. Theo thông tin từ ông Tuấn, Giám đốc TTXTDL, gần đây Sở VH-TT-DL đã có một lần trùng tu bảo tàng văn hóa Khmer với kinh phí khoảng 2,4 tỷ đồng. Hiện tại, bảo tàng mở cửa miễn phí cho khách tham quan.



Hình 7: Bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)



Hình 8: Chùa Âng
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)



Hình 9: Ao Bà Om
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

Mặc dù nhiều bài viết trên internet, trong đó có trang Wikipedia, đều viết là bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh có 3 khu vực trưng bày, nhưng theo khảo sát thực tế của chúng tôi thì bảo tàng có tổng cộng 4 khu vực trưng bày được chia theo 4 chủ đề: khu vực trưng bày thứ nhất là những hiện vật giới thiệu văn hóa đặc trưng của người Khmer; khu vực trưng bày thứ hai có chủ đề là văn hoá vật chất của dân tộc Khmer; khu vực trưng bày thứ ba trước đây có chủ đề là văn hoá tinh thần của người Khmer nhưng bây giờ là nơi trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, điêu khắc và các tác phẩm thủ công mỹ nghệ; khu vực trưng bày thứ tư, cũng là khu vực trưng bày cuối cùng mà nhiều bài viết đã bỏ qua, trưng bày các vật dụng được dùng cho các lễ hội và trình diễn trên sân

khẩu của người Khmer.

1.2.2. Kiến trúc và thiết kế

Toà nhà chính của bảo tàng do kiến trúc sư Nguyễn Thế Truyền, Chủ tịch Hội Kiến Trúc tỉnh Thừa Thiên Huế, thiết kế, và nghệ nhân Lý Lết, người được xem như bậc thầy của kiến trúc Khmer, là họa sĩ thiết kế hoa văn cho toà nhà. Lối kiến trúc của toà nhà chính là sự pha trộn giữa phong cách kiến trúc Khmer và kiến trúc hiện đại giữa TK 20 (mid-century).

Chính giữa tầng trệt của bảo tàng có một hồ cá lớn. Khi chúng tôi hỏi về hồ cá này, cán bộ quản lí bảo tàng cho biết hồ cá không có ý nghĩa đặc biệt trong văn hóa Khmer. Tuy nhiên, qua quá trình phỏng vấn du khách tham quan bảo tàng, nhóm nghiên cứu nhận được nhiều ý kiến rằng hồ cá này là một chi tiết gây ấn tượng rất tốt đối với du khách tham quan bảo tàng. Có thể dễ dàng nhận thấy ảnh hưởng của văn hoá Khmer từ thiết kế tổng quan của toà nhà, đến các chi tiết trang trí nhỏ. Qua quá trình khảo sát và phỏng vấn cán bộ làm việc ở bảo tàng, nhóm nghiên cứu tìm hiểu được ý nghĩa của một số chi tiết quan trọng. Đầu tiên, chúng tôi chú ý một chi tiết có 6 ô hình tam giác ghép vào nhau xuất hiện nhiều ở các khu vực mái và trần nhà, thì đây chính là mô phỏng mô típ hoa văn chính diện của các chùa



Hình 11: Toà nhà chính của bảo tàng
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)



Hình 12: Hồ cá ở tầng trệt
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)



Hình 13: Phù điêu đội nhạc múa Chhaydam
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

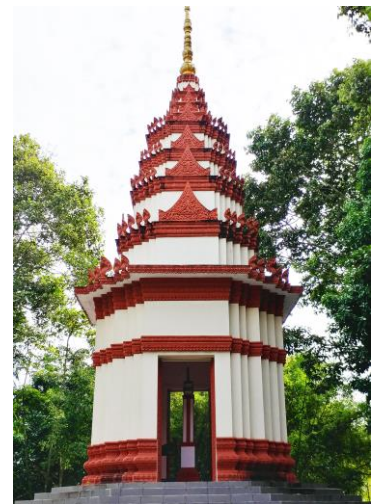


Hình 14: Điêu khắc hoa văn lửa
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

nằm thoải mình theo viền mái, đuôi vút lên và đầu chúi xuống. Xung quanh mái nhà có các chi tiết chim thần garuda ở 4 góc mái, và tiên nữ kâyno dưới mái hiên. Trong bảo tàng xuất hiện nhiều một mô típ hoa văn uốn lượn mà chúng tôi được cho biết có tên gọi là hoa văn đốt chàm, đây là hoa văn biểu tượng của người Khmer, xuất hiện nhiều nhất trên vải tơ tằm do người Khmer dệt.

Ngoài toà nhà chính, khu bảo tàng VHDT Khmer còn có một tòa tháp được sơn hai màu trắng và đỏ. Thông tin chú thích về tòa tháp này chỉ có tiếng Khmer. Qua phỏng vấn cán bộ của bảo tàng, chúng tôi được biết tòa tháp này là tháp tưởng niệm cụ Ma Ha Sơn Thông, một vị lão thành cách mạng của người Khmer Trà Vinh. Người Khmer Trà Vinh xem cụ giống như là một người cha vì cụ có công rất lớn trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc. Công trình này do tỉnh ủy Trà Vinh xây dựng

Khmer, trong tiếng Khmer gọi là “ho chiêng”. Ở mặt trước của toà nhà chính có một phù điêu lớn và một phù điêu nhỏ hơn. Cô Hiền, cán bộ bảo tàng cũng giải thích cho nhóm nghiên cứu ý nghĩa của tấm phù điêu lớn là hình ảnh đội nhạc múa Chhaydam đang thực hiện điệu múa đón tiếp khách của người Khmer. Phù điêu này được đặt ở mặt trước bảo tàng với ý nghĩa chào mừng khách tham quan. Phù điêu nhỏ hơn phía trên phù điêu lớn, gần với phần mái, là hoa văn ngọn lửa, một hoa văn đặc trưng của nghệ thuật Khmer. Về phần mái nhà, đường cong trên mái là biểu tượng con rồng



Hình 15: Tháp tưởng niệm cụ
Ma Ha Sơn Thông
(người chụp: Kim Tae Woo –
Lee Eun Byul)

năm 2002 với sự tham gia đóng góp của các tỉnh An Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, và Vĩnh Long.

CHƯƠNG 2: VAI TRÒ VÀ TIỀM NĂNG CỦA BẢO TÀNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HOÁ

2.1. Những hiện vật được trưng bày tại bảo tàng

Hiện tại bảo tàng quản lý trên 1000 hiện vật nhưng chỉ trưng bày khoảng hơn 280 hiện vật. Theo thông tin từ cán bộ kiểm kê của bảo tàng mà nhóm nghiên cứu thu thập được, hiện tại các hiện vật được lưu trữ trong kho gồm có các loại nông ngư cụ của người Khmer, các hoạ tiết hoa văn, sản phẩm đồ gốm, đồ mộc do người Khmer sản xuất.

- **Khu vực trưng bày thứ nhất: Tôn giáo và tín ngưỡng của người Khmer ở Trà Vinh**



Hình 15: Tượng Phật Khmer trong bảo tàng
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

Gian đầu tiên trưng bày các hiện vật như mô hình các ngôi chùa của người Khmer, sala là loại gổ dùng để các nhà sư ngồi giảng kinh. Đáng chú ý nhất là các biểu tượng của văn hoá tín ngưỡng của người Khmer như chim thần Kâyno, hiện thân của nữ thần trong các truyền thuyết tín ngưỡng dân gian của người Khmer, tượng người chim Tét Pro-nam thường được dùng để trang trí dưới các hiên chùa.

Toàn tỉnh Trà Vinh có 141 ngôi chùa Khmer tọa lạc ở khắp 8 huyện thành trong tỉnh ngôi chùa có vai trò quan trọng vừa là nơi thờ tự, vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa của dân tộc Khmer. Bên cạnh thờ Phật theo hệ phái Tiểu Thừa, người Khmer còn nhiều tín ngưỡng dân gian khác như: là tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần bảo hộ Arăc, Neakta (phum, sóc, rừng, ruộng đồng, sông núi...), tín ngưỡng thờ thần cai quản trần gian (Krôngpiali), cho nên trong năm có nhiều nghi lễ liên quan đến các tín ngưỡng này. Hình ảnh minh họa cho những nghi lễ này được trưng bày trong gian thứ nhất.



Hình 16: NGAI THUYẾT PHÁP Gỗ sơn son, thép vàng Thế kỷ 19 (người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

Chính giữa gian trưng bày là mô hình kiến trúc chính điện chùa Kom Pong, một trong 141 ngôi chùa Khmer ở Trà

Vinh, được xây dựng vào khoảng năm 642 dương lịch (năm 1186 Phật lịch). Ban đầu chùa được xây dựng như cái hang theo đạo Bà La Môn, chỉ có vài lều, am dành cho các nhà sư ở và một ngôi nhà để tổ chức thờ Phật. Theo sự phát triển của Phật tử trong vùng đến đầu thế kỷ 17 chùa mới được xây dựng kiên cố.



Hình 17: Kiến trúc chính điện Chùa Kom Pong (người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

▪ Khu vực trưng bày thứ hai: Văn hóa, cuộc sống đời thường

Phòng thứ hai trưng bày các nông ngư cụ, các loại trang phục truyền thống và các vật dụng phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của người Khmer Nam Bộ. Nổi bật là những văn tự cổ chứa kinh Phật, các lời huấn ca về đạo đức, lối sống và các truyện kể dân gian, v.v. Đặc biệt, phòng này còn trưng bày một cách có hệ thống về chữ viết của dân tộc Khmer. Phát triển từ chữ Phạn được viết trên lá buông trải qua 12 lần cải biên, chữ viết Khmer mới định hình như ngày nay.



Hình 18: Mô hình nhà bếp
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

nông ngư nghiệp vừa làm nơi nấu ăn. Các mô hình bàn thờ và bếp được trưng bày trong gian thứ hai.

Ngoài mô hình nhà ở, gian thứ hai cũng trưng bày các loại nông cụ dùng cho sản xuất nông nghiệp của người Khmer như sa quạt nước, gàu vai, gàu sòng dùng làm phương tiện tát nước, dẫn nước từ ruộng thấp lên cù nèo, nọc cây, vòng hái, v.v. để cày cấy, thu hoạch.



Hình 19: Sa quạt nước hình lòng máng
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)



Hình 20: Nọc cây
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

Ngoài ra, còn có các loại ngư cụ dùng trong đánh bắt thủy sản như: nôm, xà neng, xà ngôm, trù, lạp, và các loại vật dụng phục vụ sinh hoạt như: các loại đồ đựng bằng đất nung, gốm, sành, sứ, các đồ dùng làm từ tre, gỗ, các sản phẩm chế tác bằng đồng, bằng

bạc. Các sản phẩm này, ngoài việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình, nhiều sản phẩm còn được sử dụng trong nghi lễ tôn giáo, trong lễ cưới, lễ tang.



Hình 21: Lễ cưới
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

▪ Khu vực trưng bày thứ ba: Ngành nghề truyền thống của dân tộc Khmer

Khu vực trưng bày thứ ba trưng bày những hiện vật giới thiệu các ngành nghề thủ công truyền thống góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc sắc của người Khmer, một số ngành nghề vẫn tồn tại và phát triển góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Nghề chạm khắc gỗ

Chạm khắc gỗ ngoài đáp ứng cho các công trình kiến trúc, tập trung nhiều ở kiến trúc ngôi chùa, nó còn phục vụ cho nhu cầu thờ tự, trang trí. Những tác phẩm độc đáo, tiêu biểu như: bao lam, ngai thuyết pháp, tượng phật, tượng Kỳ Lân (Reachasây) tượng chim thú, v.v.

Nghề dệt vải

Nghề dệt vải thủ công của người Khmer ở Trà Vinh có từ lâu đời. Dân tộc Khmer trước đây trồng dâu, nuôi tằm lấy tơ, hoặc trồng bông dệt vải. Sản phẩm độc đáo là vải hời, sử dụng làm trang phục mặc trong các dịp lễ hội. Ngoài ra, còn có vải thô dùng làm trang phục và đáp ứng nhu cầu khác trong sinh hoạt hàng ngày.



Hình 22: Máy dệt vải
(người chụp: Kim Tae Woo –
Lee Eun Byul)

Nghề dệt chiếu

Dệt chiếu thủ công cũng là nghề khá phổ biến của đồng bào Khmer. Chiếu có nhiều loại, loại sử dụng thường ngày trong gia đình, loại sử dụng trong các dịp lễ tết, riêng loại chiếu dài rất đặc trưng được sử dụng trong các ngôi chùa. Hiện nay, ở Trà Vinh còn một số làng nghề dệt chiếu trong đó làng nghề Cà Hom – Bến Bạ, xã Hàm Tân, huyện Trà Cú được nhiều người biết đến.

Nghề đan lát

Đan lát là nghề rất phổ biến trong các gia đình người Khmer trước đây. Sử dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại chỗ là tre, trúc người Khmer làm ra các loại sản phẩm dùng trong nông nghiệp, đánh bắt thủy sản và sinh hoạt hàng ngày như: nôm, nia, vùng, sàng, thúng, xà neng, xà ngôm, giỏ cá, trù, nôm, rỏ, giường, v.v. Hiện nay, còn hai làng nghề tiêu biểu là làng nghề Giồng Đình xã Đại An, làng nghề Trà Tro xã Hàm Giang, huyện Trà Cú.



Hình 23: Giò tre, giữa TK 20
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

Ngoài ra, một số gia đình Khmer còn có nghề thủ công truyền thống mang tính cha truyền con nối, tiêu biểu như nghề chế tác mào – mặt nạ, làm nhạc cụ (đàn, trống, chiêng, chung), vẽ tranh trên kiếng, trên vải và trên lá, trong đó tranh vẽ trên lá buông là loại hình nghệ thuật hiện nay không còn tồn tại do lá buông là một loại lá hiện nay không còn tìm thấy nữa.



Hình 24: Tranh vẽ trên kiếng và chiếu dệt
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)



Hình 25: Tranh khắc trên lá buông
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

▪ Khu vực trưng bày thứ tư: Văn hóa nghệ thuật

Phòng cuối cùng là phòng trưng bày giới thiệu những loại hình văn hóa văn nghệ của đồng bào Khmer. Các hiện vật ở đây bao gồm: dàn nhạc Ngũ âm, các loại mào, mặt nạ dùng trong phục vụ biểu diễn nghệ thuật của người Khmer. Đặc biệt tại phòng trưng bày này có khu vực tái hiện lại không gian sân khấu Rô-băm và Dù kê của người Khmer. Những loại hình nghệ thuật biểu diễn tiêu biểu của người Khmer Trà Vinh gồm có:



Hình 26: Mặt nạ dùng trong nghệ thuật múa trống Chhaydam
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

- **Rô băm:** còn gọi là Yak rom, là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ lấy múa làm ngôn ngữ chính. Tuồng tích dành cho Rô băm là câu chuyện Riêm kê trích từ anh hùng ca Ấn Độ Ramayana. Đặc điểm của sân khấu Rô băm là các nhân vật được hư cấu theo hai tuyến thiện và ác. Các nhân vật trong vở diễn có : Prăs Riêm, Prăs lăk, Ha nu man, Sê đa, v.v.

- **Dù kê:** là loại hình nghệ thuật độc đáo được những nghệ sỹ Khmer tiếp thu, sáng tạo từ những loại hình nghệ thuật sân khấu khác. Kịch bản Dù kê có cốt truyện được xây dựng trên nền nhạc ca hát, đối thoại và các hình thái diễn xuất dân gian. Lời ca trong mỗi vở diễn là lời thơ xúc cảm và tính giáo dục cao. Tuồng tích của Dù kê được rút ra từ trường ca Ramayana Mahabharata của Ấn Độ cùng các truyền thuyết huyền thoại của dân tộc Khmer và những tuồng tích, điển tích của người Kinh, người Hoa.



Hình 27: Mô hình tuồng múa Rô băm
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)



Hình 28: Mô hình các nhân vật trong Dù kê
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

- **Cha dam:** là nghệ thuật múa dân gian độc đáo diễn ra vào các dịp lễ hội. Đội múa Cha dam có các diễn viên đội mũ, mang mặt nạ chần, khi, bà lão và các diễn viên múa trống. Trống Cha dam vừa là nhạc cụ đệm, vừa là đạo cụ múa. Múa trống Cha dam với các động tác vui nhộn cộng với mặt nạ hài hước, âm thanh sôi động tạo sức hút mạnh mẽ đối với người xem.

- **Châm riêng Chà pây:** là loại hình nghệ thuật độc đáo đã được Bộ VH-TT-DL đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Lời ca của Châm riêng Chà pây có nội dung rất phong phú, đó là những bài học giáo dục con người. Hát Ayai đối đáp cũng là thể loại rất phổ biến được nhiều người ưa thích.

Về âm nhạc, người Khmer có dàn nhạc dân gian (Voong phliêng khxe) được sử dụng trong các dịp lễ hội, lễ cưới, các cuộc liên hoan và biểu diễn nghệ thuật. Dàn nhạc cổ điển còn gọi là dàn nhạc ngũ âm (Voong phliêng phinh phiệt) được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, lễ tang, v.v. Âm nhạc truyền thống với các làn điệu Sâm phôn, Phat cheay, Lôm lôm phone...



Hình 29: Trống dùng trong múa Chhaydam
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)



Hình 30: Mô hình ghe ngo
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

Múa của người Khmer chiếm một vị trí quan trọng và luôn diễn ra trong các cuộc sinh hoạt tập thể. Thể loại phổ biến là múa dân gian gắn liền với cuộc sống đời thường như Rom vong, Sa ra van, Sa ri Ka keo, v.v.

2.2. Vai trò và tiềm năng của bảo tàng

2.2.1. Trong bảo tồn, giao lưu văn hoá

Bảo tàng là nơi “kết nối giữa quá khứ với hiện tại và tương lai”, bằng cách lưu giữ, bảo tồn các giá trị di sản văn hoá của một dân tộc. Trong tiến trình lịch sử, hoạt động bảo tồn di sản văn hoá xuất hiện ngay từ khi con người ý thức được giá trị của di sản văn hoá trong đời sống. Tuy nhiên, trải qua quá trình lịch sử với nhiều thay đổi trong quan hệ giữa con người với tự



Hình 31: Bằng công nhận Di tích Lịch sử - Văn hoá cho quần thể Chùa Ăng - Ao Bà Om
(người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

nhân và xã hội, chỉ đến những năm gần đây, cụm từ bảo tồn và phát huy di sản văn hoá mới trở thành mối quan tâm của các nhà chính trị, của nhiều giới khoa học và là điểm nóng chú ý của xã hội.

Trong phát biểu nhân Ngày Quốc tế Bảo tàng năm 2015, Chủ tịch Hội đồng Quốc tế các Bảo Tàng (ICOM), Giáo sư Hans Martin Hinz đã nhấn mạnh, “bảo tàng với vai trò như những nhà giáo dục và truyền bá văn hóa ngày càng đóng một vai trò thiết yếu đóng góp vào việc giải thích và thực hiện các quy tắc phát triển bền vững. [. . .] Chúng ta phải làm tất cả những gì chúng ta có thể để đảm bảo rằng bảo tàng là một phần của động lực văn hóa trong việc phát triển thế giới bền vững”. Như vậy, ngoài vai trò bảo tồn và lưu trữ các di sản của quá khứ, bảo tàng còn có chức năng quan trọng, đó là chức năng giáo dục và nâng cao nhận thức cho con người. Thời đại chúng ta đang sống là thời đại của sự tôn trọng tính đa dạng cũng như giá trị văn hoá của những dân tộc khác nhau. Chính vì thế, bảo tàng là một “phương tiện giáo dục” hoàn hảo. Thông qua những hiện vật, tài liệu được trưng bày ở bảo tàng, người ta có thể tìm hiểu không chỉ về dân tộc của mình mà còn hiểu biết thêm về các dân tộc khác. Thông qua lời giải thích ý nghĩa của các hiện vật và tài liệu ở bảo tàng, khách tham quan có thể tự rút ra mối liên hệ giữa đời sống vật chất và tinh thần của người xưa với cuộc sống của bản thân ở thời hiện đại. Một nhà nghiên cứu bảo tàng tên là George Henri Rivière đã nói rằng, một điều rất quan trọng trong việc vận hành bảo tàng là phải cho khách tham quan có thể tự phê phán những kiến thức và hiểu biết của bản thân khi tham quan bảo tàng. Chính như vậy, bảo tàng đã giúp con người hình thành và phát triển nhân cách và nâng cao trình độ nhận thức.

Theo cán bộ của bảo tàng VHDT Khmer cho biết, bảo tàng thường xuyên có các đoàn sinh viên đến tham quan học tập, thường xuyên nhất là sinh viên các ngành ngôn ngữ, văn hoá Khmer. Ngoài ra, cũng có các đoàn nghiên cứu nước ngoài đến khảo sát nghiên cứu tại bảo tàng, mặc dù không thường xuyên, lần gần đây nhất là một nhà nghiên cứu độc lập người Đức nghiên cứu về văn hoá Khmer, sau đó là đoàn sinh viên khoa Dược Đại học Trà Vinh đến để tìm hiểu về văn hoá sức khoẻ của người Khmer. Cô Nguyễn Thị Huệ, Trưởng khoa Ngôn ngữ - Văn hoá - Nghệ thuật Khmer, ĐHTV, nói cô thường cho sinh

viên làm bài tập tại bảo tàng, ví dụ như xem xét và phân tích các chi tiết hoa văn trên hiện vật và cho biết nguồn gốc xuất xứ và ý nghĩa của chúng.

Ngoài chức năng giáo dục, bảo tàng cũng có thể được sử dụng cho mục đích giao lưu văn hoá. Ví dụ, khoảng 10 năm trước, Hàn Quốc tổ chức triển lãm về Tần Thủy Hoàng, vua thời nhà Tần ở Trung Quốc, ở hai thành phố lớn nhất là Seoul và Busan. Cuộc triển lãm này thu hút gần 1 triệu lượt khách tham quan ở mỗi nơi. Đầu tiên triển lãm chỉ dự định tổ chức ở hai thành phố nói trên, nhưng sau đó, các thành phố khác như Chung-Ju, Jeon-Ju cũng tổ chức triển lãm tương tự. Mặc dù Tần Thủy Hoàng là nhân vật lịch sử của Trung Quốc nhưng người Hàn cho thấy người ta không chỉ quan tâm đến văn hoá của nước mình. Sau những triển lãm tương tự về lịch sử và văn hoá Trung Hoa, cái nhìn của người Hàn đối với đất nước và con người Trung Quốc đã thay đổi rất nhiều. Trong 10 năm trở lại đây, các tập đoàn lớn của Hàn Quốc liên tục tăng cường hợp tác và đầu tư vào thị trường Trung Quốc, một phần cũng là do sự thay đổi nhận thức của người Hàn đối với văn hoá Trung Quốc. Giao lưu văn hoá có thể là chìa khoá để mở rộng quan hệ giữa các quốc gia.



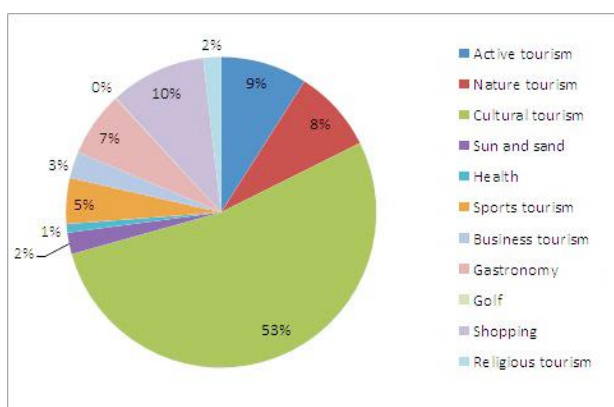
Hình 32: Triển lãm về Tần Thủy Hoàng ở Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, TP. Taebeak, Hàn Quốc (nguồn: Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên TP. Taebeak)

Bảo tàng VHDT Khmer là một trong những nơi lưu trữ các bảo vật thể hiện đời sống vật chất và tinh thần của người Khmer, giữ vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy truyền thống của người Khmer. Tuy nhiên, vai trò của bảo tàng này không chỉ dừng lại ở đó. Bảo tàng VHDT Khmer còn là nơi để người Kinh, người Hoa, và người đến từ các dân tộc khác đến để tìm hiểu về văn hoá của người Khmer, từ đó mở ra các cơ hội giao lưu trao đổi giữa các cộng đồng với nhau, cùng hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

2.2.2. Trong phát triển ngành du lịch văn hoá

Vai trò của ngành du lịch đối với sự phát triển của nền kinh tế nói riêng cũng như toàn bộ xã hội nói chung là không thể phủ nhận. Đó là một công nghiệp đã và đang khẳng định được giá trị của mình với những tiềm năng và thế mạnh riêng biệt. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Du lịch Thế giới WTO (World Tourism Organization) về các ngành du lịch trên hơn 200 quốc gia và khu vực thu hút khách du lịch thì du lịch bảo tàng là một trong những hoạt động quan trọng, hấp dẫn và được nhiều du khách quan tâm nhất, bên cạnh các địa điểm vui chơi giải trí và trung tâm mua sắm. Theo báo cáo của ICOM (Hiệp hội bảo tàng Quốc tế), ngoài chức năng nghiên cứu, giáo dục, thì chức năng giải trí và thưởng thức của bảo tàng ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều giới và nó đã mở ra một cơ hội hợp tác chặt chẽ, hiệu quả giữa bảo tàng và ngành du lịch, làm cho bảo tàng và các hoạt động của bảo tàng thực sự đi vào cuộc sống một cách gần gũi, giúp cho công chúng được hưởng thụ các giá trị đích thực mà bảo tàng và du lịch đem lại.

Ngày nay, cùng với sự bùng nổ của internet và mạng xã hội, việc thông tin có thể được tiếp cận dễ dàng hơn trước đã kích thích sự tò mò và khát khao khám phá tìm hiểu những điều mới mẻ, cũng chính từ đó du lịch văn hoá đã trở thành một trong những trào lưu của giới trẻ. Mặc dù nhiều người cho rằng các trào lưu chỉ tồn tại ngắn hạn và không đem lại thay đổi đáng kể gì cho xã hội, tuy nhiên, nếu được tận dụng đúng cách, có thể giúp tạo thói quen và thái độ sống tích cực đem lại giá trị lâu dài.



Hình 33: Tỷ lệ các loại hình du lịch trên thế giới (nguồn: WTO - World Tourism Organization)

Theo báo cáo từ Tổ chức Du lịch Thế giới WTO, du lịch văn hoá chiếm hơn 50% lượng khách du lịch trên toàn thế giới, vượt xa các hình thức du lịch truyền thống như du lịch mua sắm, nghỉ dưỡng, ngắm cảnh, và tỉ lệ này tiếp tục tăng hơn 10% mỗi năm. Như vậy, ngoài việc giúp cho địa phương quảng bá văn hoá của địa phương mình, du lịch văn hoá còn có thể đem lại nguồn thu

lớn cho ngành du lịch. Hiện nay, ở Việt Nam chỉ có hai bảo tàng là Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer Sóc Trăng và Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer Trà Vinh trưng bày các hiện vật về văn hoá Khmer. Do đó, hoạt động của bảo tàng VHDT Khmer Trà Vinh có thể thu hút nhiều hơn lượng khách du lịch văn hoá đến Việt Nam, các nhà khảo cổ và các nhà sưu tầm văn hóa trong và ngoài nước, để từ đó đóng góp vào sự phát triển của ngành du lịch tỉnh Trà Vinh.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Thực trạng về hoạt động của bảo tàng

3.1.1. Về quản lí và nhân sự

Năm 2016, theo thông tin từ Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Sở VH-TT-DL tỉnh Trà Vinh đã thực hiện nhiều hình thức quảng bá du lịch cho tỉnh nhà như thực hiện 7.500 tờ tin đời sống văn hoá, 4.500 tờ Nội san văn hoá bằng tiếng Việt, 2.400 tờ Nội san văn hoá bằng tiếng Khmer, và 3.000 tờ tin ảnh để tuyên truyền, quảng bá cho văn hoá du lịch của tỉnh Trà Vinh. Trong năm này, Sở VH-TT-DL cũng tổ chức 12 cuộc triển lãm và 2 lễ hội lớn. Trong 12 triển lãm đó, có 3 triển lãm gắn với lễ hội Ok Om Bok thu hút hàng ngàn người tham gia. Tuy nhiên, không có hoạt động nào nhằm mục đích quảng bá riêng cho bảo tàng VHDT Khmer.

Về nhân sự, hiện nay bảo tàng có 10 cán bộ, trong đó có 4 người Kinh và 6 người Khmer. Theo số liệu do bảo tàng cung cấp, trung bình 1 tháng bảo tàng đón khoảng 2000 lượt khách tham quan, trong đó 20% là người nước ngoài. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra phỏng vấn khách tham quan người nước ngoài, nhóm nghiên cứu nhận được nhiều phản hồi rằng việc thiếu tài liệu hướng dẫn và



Hình 34: Nhóm nghiên cứu phỏng vấn ông Võ Thanh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Du lịch (người chụp: Kim Tae Woo – Lee Eun Byul)

chú thích bằng tiếng Anh là một điều rất bất tiện cho người nước ngoài, và là nguyên nhân chính khiến bảo tàng chưa thu hút được nhiều khách tham quan ngoại quốc. Chị Georgina Alonso, một khách tham quan người Canada mà nhóm chúng tôi đã phỏng vấn cho biết, mặc dù chị thấy những hiện vật ở đây rất thú vị nhưng không thể hiểu nguồn gốc xuất xứ và ý nghĩa của chúng vì không đọc hiểu được chú thích. Khi nhóm nghiên cứu đề cập đến vấn đề này trong buổi phỏng vấn ông Võ Thanh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Trà Vinh, ông cho biết Sở Du lịch Trà Vinh cũng có nhận được phản ánh

từ du khách về việc bảo tàng không có chú thích và tài liệu hướng dẫn bằng tiếng Anh, Giám đốc Sở VH-TT-DL đã có chỉ đạo cho bảo tàng làm chú thích bằng tiếng Anh, nhưng không biết khi nào sẽ thực hiện. Ông nói rằng trong trường hợp du khách đoàn như đoàn thực tập thực tế của chúng tôi có yêu cầu phiên dịch bằng tiếng Anh và thông báo trước, Trung tâm Xúc tiến Du lịch có thể hỗ trợ cho đoàn người phiên dịch tiếng Anh, và trung tâm hiện nay đã có tài liệu bằng tiếng Anh giới thiệu về các điểm du lịch ở Trà Vinh, trong đó có giới thiệu về bảo tàng, tuy nhiên, nhóm nghiên cứu đã nhận được tài liệu này, phần giới thiệu bảo tàng chỉ là giới thiệu sơ lược khoảng 3-4 câu. Nói tóm lại, theo lời ông Tuấn, chỉ du khách đoàn và có liên hệ trước mới có thể yêu cầu phiên dịch, khách lẻ và du lịch tự túc sẽ không được hỗ trợ phiên dịch. Khi chúng tôi hỏi về việc Trung tâm có thể hỗ trợ bảo tàng làm tài liệu hướng dẫn bằng tiếng Anh cho khách tham quan lẻ hay không, do nhân sự của bảo tàng không có người biết tiếng Anh, ông Tuấn không cho ý kiến phản hồi về vấn đề này.

Vấn đề thiếu nhân sự của bảo tàng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phục vụ khách tham quan, về nhiều mặt. Ngoài vấn đề thiếu người hướng dẫn và phiên dịch, vấn đề vệ sinh của toà nhà cũng cần được nhắc đến. Do hiện tại hầu hết cán bộ làm việc ở bảo tàng chỉ tập trung phụ trách công tác chuyên môn hoặc hành chính, bảo tàng VHDT Khmer thiếu nhân viên phụ trách dọn dẹp vệ sinh và bảo trì toà nhà. Điều này dẫn đến những hạn chế về cơ sở vật chất sau đó là chất lượng phục vụ mà chúng tôi sẽ nói đến ở phần dưới đây.

3.1.2. Về tài chính và cơ sở vật chất

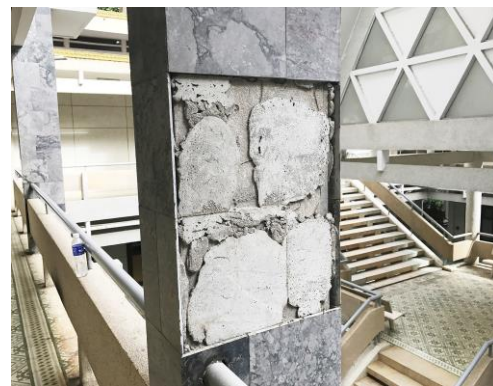
Theo thông tin từ ông Võ Thanh Tuấn, Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Du lịch, hiện nay toàn bộ kinh phí để duy trì hoạt động của bảo tàng VHDT Khmer là do nhà nước cấp. Trong đó, chủ yếu là để trả lương cho nhân viên và các chi phí căn bản như tiền điện, nước. Nói cách khác, không có ngân sách cho việc bảo trì, sửa sang toà nhà, hay công tác quảng bá về



Hình 35: Hoa văn trang trí trên nóc toà nhà bị gãy
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

bảo tàng để thu hút khách tham quan. Qua quan sát của nhóm nghiên cứu và kết quả phỏng vấn khách tham quan bảo tàng, cho thấy hiện trạng cơ sở vật chất của bảo tàng có nhiều vấn đề cần khắc phục.

Thứ nhất, một số khu vực trong tòa nhà chính trưng bày hiện vật có dấu hiệu xuống cấp, hư hỏng, gãy vỡ. Đây là một trong những điều tạo ấn tượng xấu cho một khách tham quan người nước ngoài mà chúng tôi đã phỏng vấn. Du khách này cho rằng tình trạng của tòa nhà với những mảng tường bị vỡ, bị mối mọt, hay ẩm mốc không tương xứng với giá trị của những hiện vật được trưng bày tại đây, chưa nói đến việc những chi tiết này gây mất tập trung cho một số khách tham quan vì mục đích của họ khi đến đây là để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những hiện vật cổ.



Hình 36: Một mảng tường vỡ ở tầng hai
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)



Hình 37: Các phòng trưng bày của bảo tàng
không có máy lạnh

(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

Hạn chế thứ hai về mặt vật chất là các phòng trưng bày của bảo tàng VHDT Khmer không trang bị máy điều hòa. Vào mùa mát thì thiết kế với phần mái mở của tòa nhà có thể giúp điều hòa không khí, nhưng vào mùa nóng chắc chắn gây khó chịu cho khách tham quan.

Hạn chế thứ ba là hệ thống chiếu sáng của bảo tàng.

Đối với bảo tàng, hệ thống chiếu sáng là một trong những yếu tố quan trọng nhất, vì đây là nơi trưng bày hiện vật, trong đó có những hiện vật đòi hỏi bố cục ánh sáng nhất định mới nhìn rõ được các chi tiết. Tuy nhiên, bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh không được trang bị một hệ thống chiếu sáng phù hợp cho một bảo tàng. Chỉ một số hiện vật có đèn chiếu sáng riêng, trong khi phần lớn phải sử dụng ánh sáng từ hệ thống đèn trần chiếu sáng chung cho cả phòng. Không chỉ vậy, hệ thống đèn của một trưng bày thứ tư bị hỏng hoàn toàn, khi

nhóm nghiên cứu thực hiện chụp hình hiện vật, chúng tôi gặp nhiều khó khăn để chụp rõ



Hình 38: Một thành viên nhật được chú thích hiện vật bị rơi

(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

trong các phòng trưng bày, đèn trên trần nhà bị long ra, rơi và đè xuống một tủ trưng bày, mặc dù đèn này vẫn hoạt động nhưng không hướng ánh sáng vào hiện vật mà chỉ chiếu sáng phần nóc của tủ trưng bày hiện vật.

Về bảo quản hiện vật và tủ trưng bày hiện vật, một số hiện vật ở đây không được bảo quản trong tủ kính nên có nhiều bụi. Cô Thạch Thị Kim Anh, chuyên viên Ban Giới và Dân tộc của Đại học Trà Vinh, một cộng tác viên mà chúng tôi đã phỏng vấn, cũng cho rằng bảo tàng cần trang bị thêm tủ kính để bảo quản hiện vật tốt hơn. Trong quá trình khảo sát hiện vật, một thành viên nhóm nghiên cứu phát hiện một hiện vật bị mất chú thích và sau đó nhật được tấm bảng ghi chú thích bị rơi ở góc phòng.

3.2. Kiến nghị

Đối với nhóm nghiên cứu, chuyến đi thực tế Trà Vinh là một cơ hội để tìm hiểu sâu hơn về văn hoá Việt Nam. Đặc biệt, do đặc thù về dân cư của tỉnh Trà Vinh với hơn 30% là người Khmer, chuyến đi thực tế giúp nhóm nghiên cứu khám phá nền văn hoá đặc sắc của cộng đồng người Khmer Nam bộ. Trong các điểm khảo sát của đoàn nghiên cứu ở Trà Vinh, bảo tàng VHDT Khmer là nơi nhóm chúng tôi chọn để tìm hiểu và nghiên cứu tập trung trong suốt chuyến đi vì cảm thấy nơi này có thể phát huy tốt hơn vai trò của một trung tâm bảo tồn và giao văn hoá, trao đổi học thuật và nghiên cứu, đồng thời là một nơi

để thưởng thức nghệ thuật, tuy nhiên, do còn nhiều hạn chế, theo chúng tôi là có thể khắc phục, mà chưa nhận được sự quan tâm xứng đáng của du khách, và của người dân địa phương sinh sống ở đây.

Sau quá trình tìm hiểu và khảo sát, nhóm nghiên cứu cho rằng những giải pháp sau đây có thể được thực hiện để nâng cao chất lượng phục vụ cũng như vai trò của bảo tàng VHDT Khmer, thu hút nhiều hơn lượng khách đến Trà Vinh để tham quan bảo tàng và tăng thu nhập cho ngành du lịch tỉnh:

- **Về phía bảo tàng:**

Theo cô Sơn Thị Hiền, một cán bộ làm việc tại bảo tàng, bảo tàng cần thêm kinh phí để khôi phục một số ngành nghề truyền thống, đặc biệt là nghề dệt vải tơ tằm của người Khmer. Vì theo cô, nếu bảo tàng tổ chức các triển lãm hoặc hoạt động văn hoá giới thiệu về những ngành nghề thủ công truyền thống của Khmer thì sẽ thu hút nhiều du khách đến Trà Vinh để tham dự các sự kiện này. Nhóm nghiên cứu cũng cho rằng để khắc phục



Hình 39: Nhóm nghiên cứu phỏng vấn cô Sơn Thị Hiền, cán bộ bảo tàng
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

những vấn đề về cơ sở vật chất của bảo tàng, cần có kinh phí hỗ trợ để tuyên truyền nhân sự hoặc trang bị thêm trang thiết bị cho bảo tàng. Tuy nhiên, theo qui định, để được cấp thêm kinh phí, ban quản lý bảo tàng phải làm dự án đề xuất gửi cho Bộ xem xét và chờ duyệt, mà theo ông Tuấn, kinh phí dành cho bảo tàng đã được qui định ở một mức nhất định, thì khó có thể xin thêm. Như vậy, trước mắt, theo nhóm nghiên cứu, bảo tàng nên tự mở rộng quan hệ và liên kết với các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn văn hoá và di sản, đặc biệt là các tổ chức quốc tế, để có thể kêu gọi ủng hộ về mặt nhân lực hoặc tài chính, hay những tổ chức này có thể giúp tác động lên các cơ quan chính phủ kêu gọi quan tâm nhiều hơn đến bảo tàng.

• Về phía Sở VH-TT-DL và Trung tâm Xúc tiến Du lịch tỉnh Trà Vinh:

Hiện nay, việc quảng bá cho các sự kiện văn hoá và lễ hội của tỉnh đã và đang được thực hiện tốt. Các lễ hội hàng năm đều thu hút hàng chục ngàn người tham gia. Tuy nhiên, công tác quảng bá cho du lịch bảo tàng chưa được nhấn mạnh, bằng chứng là không có

bất cứ hoạt động nào nhằm mục đích quảng bá riêng cho bảo tàng VHDT Khmer, mà tài liệu duy nhất có nhắc đến bảo tàng là tờ rơi giới thiệu các điểm du lịch ở Trà Vinh với chỉ vài dòng giới thiệu ngắn gọn. Qua phỏng vấn người dân địa phương, nhóm nghiên cứu đã gặp một người làm nghề buôn bán, khi được hỏi về bảo tàng thì người này nói rằng không biết gì về bảo tàng này. Như vậy,



Hình 40: Phỏng vấn người dân làm nghề buôn bán
(người chụp: Kim Tae Woo - Lee Eun Byul)

thậm chí một số người dân địa phương cũng không biết đến bảo tàng. Nhóm nghiên cứu cho rằng, trước mắt, Sở VH-TT-DL tỉnh Trà Vinh cần tiến hành quảng bá riêng về bảo tàng VHDT Khmer và nâng cao ý thức bảo tồn di sản văn hoá của người dân trong nội bộ tỉnh, để tất cả người dân ở đây biết rõ về giá trị của bảo tàng, từ đó họ mới có thể giúp Sở làm công tác tuyên truyền, thu hút du khách. Vì khi du khách đến Trà Vinh, họ luôn hỏi người dân địa phương về những nơi cần tham quan, nên chính người dân là những người có thể trực tiếp quảng bá du lịch cho địa phương mình. Bên cạnh đó, Sở cần tiến hành hỗ trợ bảo tàng biên soạn sách hướng dẫn bằng tiếng Anh để phát cho khách tham quan bảo tàng, và làm chú thích hiện vật bằng tiếng Anh, trong điều kiện chưa thể tuyển thêm nhân sự biết tiếng Anh làm công việc phiên dịch hoặc hướng dẫn trực tiếp.

3. KẾT LUẬN

Tỉnh Trà Vinh là một trong những địa phương ở Việt Nam nơi thể hiện rõ những nét đa dạng về văn hoá của một quốc gia đa dân tộc, điều mà những người nước ngoài như các thành viên của nhóm nghiên cứu rất muốn tham quan và trải nghiệm khi sống và học tập ở Việt Nam. Tại Trà Vinh, người ta có thể tìm thấy những ngôi chùa mang kiến trúc Hoa, nhà ở hoặc đền miếu theo kiến trúc Việt của người Kinh, nhưng thường gặp nhất là những công trình kiến trúc Khmer, trong đó phần lớn là đền chùa. Mặc dù cộng đồng người Khmer ở Trà Vinh chỉ chiếm 1/3 dân số của tỉnh nhưng văn hoá dân tộc Khmer rõ ràng có ảnh hưởng không nhỏ đối đến môi trường sống ở đây. Việc hiểu biết văn hoá Khmer từ đó có thể giúp người dân tận dụng những di sản và đặc trưng văn hoá của địa phương để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của mình.

Bảo tàng VHDT Khmer Trà Vinh là nơi cung cấp những hiểu biết bao quát và chính xác nhất về đời sống, văn hoá của người Khmer, vì vậy sẽ là một địa điểm học tập giá trị cho cả du khách lẫn người bản địa. Thông qua các hiện vật và thông tin chú thích từ bảo tàng, khách tham quan có thể hiểu biết thêm về lịch sử phát triển của một nền văn hoá lâu đời đồng thời vẫn có vai trò quan trọng trong cuộc sống hiện đại. Hơn nữa, việc nâng cao hiểu biết và nhận thức về văn hoá Khmer ở người dân địa phương còn có thể giúp thúc đẩy du lịch văn hoá và thu hút du khách ngoài tỉnh do chính người dân ở đây là những “đại sứ du lịch” hiệu quả nhất.

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi nhận thấy mặc dù bảo tàng VHDT Khmer có vai trò quan trọng và có nhiều tiềm năng chưa được khai thác nhưng hiện tại chưa nhận được sự quan tâm đúng mức, từ các sở ban ngành và từ chính người dân địa phương. Cụ thể là Sở Du lịch Trà Vinh hiện tại chỉ tập trung quảng bá cho các lễ hội văn hoá nhưng không có hoạt động nào để quảng bá cho bảo tàng. Các công ti du lịch cũng không bao gồm bảo tàng VHDT Khmer trong chương trình tour của mình vì cho rằng bảo tàng không thu hút du khách. Qua phỏng vấn khách tham quan bảo tàng, chúng tôi tìm hiểu được việc thiếu nhân sự và kinh phí dẫn đến nhiều hạn chế về cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ chính là nguyên nhân bảo tàng khó thu hút khách tham quan. Như vậy, để nâng cao vai trò của

bảo tàng VHDT Khmer Trà Vinh và thúc đẩy du lịch văn hoá nhằm mục đích phát triển ngành du lịch của tỉnh Trà Vinh đòi hỏi sự hợp tác từ các bên: Sở Du lịch và Trung tâm Xúc tiến Du lịch, các công ti du lịch - dịch vụ, và từ chính bảo tàng. Nếu không có những kế hoạch cụ thể và đồng bộ, khó có thể xảy ra thay đổi lớn trong thời gian ngắn.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

▪ Tiếng Việt

1. **Cơ quan ngôn luận của tổng cục du lịch (2016) Phát huy giá trị bảo tàng đối với phát triển du lịch hiện nay**, <http://www.baodulich.net.vn/Phat-huy-gia-tri-bao-tang-doi-voi-phat-trien-du-lich-hien-nay-10-7358.html>
2. **Đặng Văn Bương (2016) Nghệ nhân Lâm Phen - người giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer**, <http://www.nhandan.com.vn/antuong/item/30990902-nghe-nhan-lam-phen-nguoi-giu-gin-va-phat-huy-ban-sac-van-hoa-dan-toc-khmer.html>
3. **Minh Vương (2017) Bảo tàng Khmer Trà Vinh**, <http://dulich24.com.vn/du-lich-thanh-pho-tra-vinh/bao-tang-khmer-tra-vinh-id-4332>
4. **Nguyễn Hoàng Tuấn (2017) Trà Vinh: Hoàn thành chỉnh lý trưng bày Nhà Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer**, <https://www.vhttdlkv3.gov.vn/PrintVersion.aspx?i=4545>
5. **Sở du lịch Kiên Giang (2016) Tổng quan về tỉnh Trà Vinh**, <http://namdulichquocgia2016.vn/Chi-tiet/tong-quan-ve-tinh-tra-vinh/399>
6. **Thông tấn xã Việt Nam (2017) Tiềm năng du lịch của bảo tàng, di tích**, <http://vinhphuc.tourism.vn/index.php?cat=0114&itemid=1546>
7. **ThS. Phan Thanh Đoàn (2016) Tiềm năng phát triển du lịch văn hóa ở tỉnh Trà Vinh**, <http://www.tuyengiao.vn/Home/vanhoavannghenghiencuutraodoivanhhoa/92668/Tiem-nang-phat-trien-du-lich-van-hoa-o-tinh-Tra-Vinh>
8. **Trần Kiều Quang (2013) Bảo tàng Văn hóa Khmer Trà Vinh**, <http://www.thesaigontimes.vn/94824/Bao-tang-Van-hoa-Khmer-Tra-Vinh.html>
9. **Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch (2016) Lượng khách du lịch đến Trà Vinh 6 tháng đầu tăng hơn so cùng kỳ**, <http://www.dulichtravinh.com.vn/index.php/tin-tuc/tin-hoat-dong-trong-tinh/1163-luong-khach-du-lich-den-tra-vinh-6-thang-dau-tang-hon-so-cung-ky>

10. TS. Nguyễn Văn Cường (2016) Bảo tàng góp phần thay đổi xã hội,
<http://thegioidisan.vn/vi/bao-tang-gop-phan-thay-doi-xa-hoi.html>
11. TS. Vũ Mạnh Hà (2014) Mối quan hệ giữa bảo tàng và du lịch trong xu thế hội nhập và phát triển đất nước, <http://baotanglichsu.vn/portal/vi/Tin-tuc/Thong-tin-khoa-hoc/2014/09/3A9242AA/>
12. TS. Chu Đức Tính (2016) Phát huy giá trị bảo tàng đối với phát triển du lịch hiện nay, <http://www.baodulich.net.vn/Phat-huy-gia-tri-bao-tang-doi-voi-phat-trien-du-lich-hien-nay-10-7358.html>
13. TS. KTS. Dương Đình Hiê (2015) Gắn kết hoạt động Bảo tàng với phát triển du lịch, <http://www.itdr.org.vn/vi/nghiencuu-traodoi/1010-gan-ket-hoat-dong-bao-tang-voi-phat-trien-du-lich.html>
14. Vietnamtourism (2014) Lễ hội Ok-Om-Bok được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, <http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/15419>
15. Vietnamtourism (2014) Lễ Nghinh Ông ở tỉnh Trà Vinh đón nhận danh hiệu di sản quốc gia,
<http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/14569><http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/items/14587>
16. Wikipedia (2016) Bảo tàng Văn hóa Dân tộc Khmer tỉnh Trà Vinh,
https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_t%C3%A0ng_v%C4%83n_h%C3%B3a_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Khmer_t%E1%BB%89nh_Tr%C3%A0_Vinh
17. Wikipedia (2017) Viện bảo tàng,
https://vi.m.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87n_b%E1%BA%A3o_t%C3%A0ng

▪ Tiếng Hàn

18. 이보아 (2002) 비영리기관으로서의 박물관의 특성과 역할,
<http://m.terms.naver.com/entry.nhn?docId=2028740&cid=43112&categoryId=43112>

▪ Tiếng Anh

19. World Tourism Organization UNWTO (2017) Information Resources & Archives Programme, <http://archives.unwto.org/>

PHỤ LỤC

- **Giới thiệu địa bàn nghiên cứu và thời gian đi thực tế**

Tỉnh Trà Vinh là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam Việt Nam. Trà Vinh cách TP.HCM khoảng 200 km và cách thành phố Cần Thơ khoảng 100 km. Được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu với 2 cửa Cung Hầu và Định An nên giao thông đường thủy có điều kiện phát triển.

Trà Vinh là tỉnh duyên hải Đồng bằng sông Cửu Long, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Bắc giáp tỉnh Bến Tre, có 65 km bờ biển. Trà Vinh nằm ở phần cuối cù lao kẹp giữa sông Tiền và sông Hậu. Địa hình chủ yếu là những khu đất bằng phẳng với độ cao trên dưới 1m so với mặt nước biển.



Hình 41: Trà Vinh trên bản đồ Việt Nam
(nguồn: Internet)

Theo thống kê, dân số Trà Vinh khoảng 1,1 triệu người. Trên địa bàn tỉnh Trà Vinh có 3 dân tộc sinh sống, là người Kinh (66%), người Khmer (32%) và người Hoa. Như vậy, khoảng 1/3 dân số của tỉnh là người dân tộc Khmer. Ngoài ra, cộng đồng này cũng chiếm 30% dân số người dân tộc Khmer trên toàn đất nước Việt Nam.

Nằm trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh Trà Vinh cũng có những thuận lợi chung như: có điều kiện ánh sáng bức xạ dồi dào, nhiệt độ cao và ổn định. Trong thời gian đi thực tế, thời tiết ở Trà Vinh cũng mát mẻ hơn ở Sài Gòn. Nhiệt độ bình quân vào mùa này là 28 độ C.

Chuyến đi thực tế của chúng tôi kéo dài 10 ngày, từ ngày 04/01/2017 đến ngày 14/01/2017. Trong thời gian này, chúng tôi ở nhà khách Vĩnh Trà, số 4 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Trà Vinh. Nhà Khách chúng tôi cách bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh khoảng 8 km.

- **Danh sách cộng tác viên**

Trong đợt thực tế này, nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn những cộng tác viên dưới đây :

STT	Họ và tên	Dân tộc/ Quốc tịch	Loại đối tượng phỏng vấn
1	Võ Thanh Tuấn	Kinh	Giám đốc, Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Sở VH-TT-DL tỉnh Trà Vinh
2	Son Thị Hiền	Khmer	Cán bộ kiểm kê bảo quản, Bảo tàng VHDT Khmer tỉnh Trà Vinh
3	Nguyễn Thị Huệ	Kinh	Trưởng khoa, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer, Đại học Trà Vinh(ĐHTV)
4	Thạch Thị Kim Anh	Khmer	Chuyên viên, Ban Giới và Dân tộc, ĐHTV
5	Trần Đức Khôi	Kinh	Khách tham quan bảo tàng
6	Hsu Hsin Ya	Đài Loan	Khách tham quan bảo tàng
7	Georgina Alonso	Canada	Khách tham quan bảo tàng
8	Bùi Văn Nam	Kinh	Người dân (sinh viên ĐHTV)
9	Thạch Mu Ni	Khmer	Người dân (sinh viên ĐHTV)
10	Lê Văn Bảo	Kinh	Người dân
11	Thạch Thị Phala	Khmer	Người dân
12	Ngô Thị Diễm My	Kinh	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ
13	Phan Thị An	Kinh	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ
14	Huỳnh Hồng Nhật	Kinh	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ
15	Thạch Som	Khmer	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ
16	Nguyễn Trí Hùng	Kinh	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ

- **Danh sách câu hỏi phỏng vấn sâu phân loại theo đối tượng phỏng vấn**

STT	Loại đối tượng phỏng vấn	Danh sách câu hỏi
1	Giám đốc, Trung tâm Xúc tiến Du lịch, Sở VH-TT-DL Trà Vinh	<i>Về du lịch văn hoá của tỉnh Trà Vinh</i> 1. Ngành du lịch đóng góp bao nhiêu % GDP của tỉnh Trà Vinh năm 2016? 2. Các sự kiện hay lễ hội văn hoá nào ở Trà Vinh thu hút nhiều khách du lịch nhất? Trong đó, có các sự kiện nào được tổ chức ở bảo tàng Khmer không? <i>Về bảo tàng VHDT Khmer</i> 1. Theo chú, hoạt động của bảo tàng có vai trò như thế nào đối với việc phát triển du lịch của một địa phương? 2. Tụi con đã phỏng vấn cán bộ ở bảo tàng và được cho biết là toàn bộ kinh phí duy trì bảo tàng là do nhà nước cấp, chú có thể cho biết kinh phí đó là bao nhiêu không ạ? 3. Mỗi năm kinh phí dành cho bảo tàng có tăng thêm không? 4. Hiện nay bảo tàng Khmer chưa có sách hướng dẫn cho khách tham quan, và cũng chưa có chú thích hiện vật bằng tiếng Anh, trong quá trình phỏng vấn, nhóm nghiên cứu nhận được phản hồi từ du khách người nước ngoài là điều này gây khó khăn cho người nước ngoài khi tham

		quan bảo tàng, chú nghĩ gì về điều này? Trung tâm xúc tiến du lịch có thể hỗ trợ bảo tàng làm việc này không? 5. Hiện nay, Sở Du lịch và Trung tâm Xúc tiến Du lịch có chương trình hay dự án gì để quảng bá văn hoá Khmer và quảng bá cho bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer hay không? → (Nếu “có”) Chú có thể cho biết rõ hơn về những chương trình đó được không? → (Nếu “không”, không cần hỏi thêm) 6. Theo chú, vì sao hiện nay bảo tàng Khmer có ít khách tham quan? 7. Theo chú, với vai trò là trung tâm xúc tiến du lịch của tỉnh, trung tâm có thể làm những gì để giúp bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer thu hút nhiều du khách hơn hiện nay?
2	Cán bộ bảo tàng	Thông tin cá nhân 1. Cô tên gì? 2. Cô là người Kinh hay người Khmer hay người Hoa? 3. Công việc hàng ngày ở bảo tàng của cô là gì? 4. Cô làm việc ở đây bao lâu rồi? Lịch sử hình thành, kiến trúc và thiết kế 1. Bảo tàng được xây dựng khi nào? 2. Ai là người thiết kế toà nhà này?

		3. Thiết kế của toà nhà này có ý nghĩa đặc biệt gì không? 4. Bên cạnh toà nhà chính có một toà tháp, cô có thể cho biết toà tháp này được xây dựng khi nào và có ý nghĩa gì không ạ? 5. Hồ cá trong bảo tàng có ý nghĩa đặc biệt gì không hay chỉ để trang trí? 6. Phần mái nhà hình tam giác có 6 ô hình tam giác có ý nghĩa đặc biệt gì không? 7. (Cho xem hình mái nhà và gôi) Biểu tượng hình tam giác có 6 hình tam giác xuất hiện nhiều lần, biểu tượng này có ý nghĩa đặc biệt gì không? 8. (Cho xem hình) Điều khắc này có ý nghĩa gì không? 9. Thông tin trên internet nói là bảo tàng có 3 phòng trưng bày, nhưng chúng em thấy là có 4 phòng, có phải có một phòng mới không? → (Nếu “có”) Phòng nào là phòng mới nhất? Hiện vật trưng bày 1. Ngoài những hiện vật được trưng bày ở các phòng, còn có hiện vật được giữ trong kho không? → (Nếu “có”) Hiện vật gì đang được giữ trong kho? Cô có thể cho chúng em biết không? → (Nếu “không”, không cần hỏi thêm) 2. Chúng em thấy có một số hiện vật có xuất xứ từ những quốc gia khác như Pháp,
--	--	---

		Nhật, Trung Quốc, cô có thể giải thích vì sao có trưng bày những hiện vật đó ở bảo tàng này không? 3. Chúng em thấy có một bàn thờ trong phòng số 2, vậy thì người Khmer cũng có bàn thờ như người Kinh phải không? Về hoạt động của bảo tàng - Hiện nay có bao nhiêu người làm việc ở bảo tàng? - Bao nhiêu người là người Kinh? Bao nhiêu người là người Khmer? 1 tháng/ 1 năm có bao nhiêu khách đến thăm bảo tàng? - Trong đó, có bao nhiêu % là người nước ngoài? → (Nếu có nhiều khách tham quan là người nước ngoài) Cô có nói được ngoại ngữ không? Ngoại ngữ gì? - Bảo tàng <u>có</u> thường có những đoàn khách là sinh viên học sinh đến tham quan học tập <u>không</u>? → (Nếu “có”) Trường nào? Đến từ đâu? - Bảo tàng có thường có những đoàn nghiên cứu trong nước và nước ngoài đến để làm việc hoặc nghiên cứu không? → (Nếu “có”) Trong nước hay ngoài nước? Cô có thể kể về một vài ví dụ gần đây nhất được không ạ? Về tổ chức và quản lí
--	--	--

		1. Bảo tàng có sách hướng dẫn dành cho khách tham quan không? → (Nếu “có”) Cô có thể cho chúng em xin một bản được không? Vì sao chúng em không thấy sách hướng dẫn ở đây? → (Nếu “không”) Theo cô, bảo tàng có nên làm một sách hướng dẫn để phát cho khách tham quan bảo tàng không? 2. Bảo tàng có thường tổ chức những sự kiện văn hoá hay triển lãm đặc biệt nhằm thu hút khách tham quan không? → (Nếu “có”) Lần gần nhất là khi nào? Tổ chức sự kiện gì? → (Nếu “không”) Chúng em nghe nói là bảo tàng có tổ chức các sự kiện văn hoá, như vậy thông tin đó là không chính xác phải không? 3. Theo cô, bảo tàng cần thêm những hỗ trợ gì từ UBND tỉnh, để có thể thu hút nhiều du khách hơn hiện nay? 4. Theo chúng em biết, bảo tàng hiện nay mở cửa miễn phí cho khách tham quan, như vậy kinh phí để duy trì bảo tàng đến từ đâu?
3, 4	Giảng viên trường đại học Trà Vinh	<i>Thông tin cá nhân</i> 1. Thầy/cô tên gì? 2. Thầy/cô là người Kinh hay người Khmer? 3. Thầy/cô làm việc ở trường đại học bao lâu rồi?

		4. Thầy/cô làm việc ở khoa nào? Dạy môn gì? <i>Những hiểu biết và nhận xét về bảo tàng VHDT Khmer</i> 1. Thầy/cô đã đi bảo tàng Khmer chưa? → (Nếu “chưa”) Vì sao chưa? → (Nếu “rồi”) Bao nhiêu lần rồi? Lần cuối cùng là khi nào? 2. Thầy/cô thấy bảo tàng đó thế nào? Có gì hay và có gì chưa hay, cần cải thiện? 3. Thầy/cô có giới thiệu bảo tàng đó cho sinh viên không? 4. Trường đại học có tổ chức các chương trình quảng bá văn hoá Khmer, trong đó giới thiệu về Bảo tàng Khmer, cho sinh viên không? 5. (Nếu là giảng viên khoa Văn hoá Nghệ thuật Khmer) Khoa của thầy/cô có các dự án nghiên cứu hay chương trình đào tạo hợp tác với bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer không? → (Nếu “có”) Xin cho biết một vài ví dụ? → (Nếu “không”, không cần hỏi thêm) 6. Theo thầy/cô, nguyên nhân hiện nay bảo tàng Khmer có ít khách tham quan là gì? 7. Với vai trò là người làm giáo dục, và cũng là một công dân của Trà Vinh, thầy/cô nghĩ mình có thể làm gì để giúp bảo tàng Khmer được nhiều người quan tâm hơn?
--	--	---

5, 6, 7	Khách tham quan bảo tàng	Thông tin cá nhân 1. Anh/chị/cô/chú tên gì? Là người ở đâu/Đến từ đâu? 2. Anh/chị/cô/chú làm công việc gì? Quan điểm về du lịch văn hoá và nhận xét về bảo tàng VHDT Khmer 1. Anh/chị/cô/chú biết đến bảo tàng này từ nguồn nào? 2. Anh/chị/cô/chú đã đi du lịch nhiều nơi chưa? 3. Khi đi du lịch, anh/chị/cô/chú có thích đi xem bảo tàng không? 4. (Nếu không phải người Trà Vinh) Anh/chị định ở Trà Vinh bao lâu? Ngoài bảo tàng này, anh/chị định đi tham quan ở đâu? 5. (Nếu là người Trà Vinh) Anh/chị đi bảo tàng bao nhiêu lần rồi? 6. (Nếu đi lần đầu tiên) Anh/chị/cô/chú sẽ quay lại tham quan bảo tàng lần khác không? 7. Anh/chị/cô/chú thấy bảo tàng này có gì hay và có gì chưa hay, cần cải thiện?
8, 9	Sinh viên trường đại học Trà Vinh	Thông tin cá nhân 1. Bạn tên gì? Học ngành gì? (ưu tiên sv ngành Văn hoá Nghệ thuật Khmer) 2. Bạn là người Kinh hay người Khmer hay người Hoa?

		<i>Quan điểm về du lịch văn hoá và hiểu biết về bảo tàng VHDT Khmer</i> 1. Bạn đã đi Bảo tàng Khmer chưa? → (Nếu “chưa”) Vì sao chưa? → (Nếu “rồi”) Bao nhiêu lần rồi? Lần cuối cùng là khi nào? 2. Bạn thấy bảo tàng đó thế nào? Có gì hay và có gì chưa hay? 3. Trường đại học có tổ chức các chương trình quảng bá văn hoá Khmer cho sinh viên không? → (Nếu “có”) Bạn đã tham gia chưa? Bao nhiêu lần? → (Nếu “không”, không cần hỏi tiếp) 4. Trường đại học có tổ chức đi khảo sát học tập tại các bảo tàng trong thành phố, trong đó có bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer không? → (Nếu “có”) Bạn đã tham gia chưa? Bao nhiêu lần? → (Nếu “không”, không cần hỏi tiếp) 5. Theo bạn, nguyên nhân hiện nay bảo tàng Khmer có ít khách tham quan là gì? 6. Với vai trò là một công dân của Trà Vinh, bạn nghĩ mình có thể làm gì để giúp bảo tàng Khmer được nhiều người quan tâm hơn?
10, 11	Người dân địa phương	<i>Thông tin cá nhân</i> 1. Anh/chị tên gì? 2. Anh/chị là người Kinh hay người Khmer hay người Hoa?

		3. Anh/chị sinh ra và lớn lên ở Trà Vinh hay từ nơi khác đến sống ở Trà Vinh? <i>Quan điểm về du lịch văn hoá và hiểu biết bảo tàng VHDT Khmer</i> 1. Anh/chị đã đi du lịch ở nơi khác bao giờ chưa? → (Nếu “rồi”) Anh/chị đã du lịch ở đâu? Khi đi du lịch, anh/chị/cô/chú có thích đi xem bảo tàng không? → (Nếu “chưa”, không cần hỏi tiếp) 2. Anh/chị đã đi Bảo tàng văn hoá dân tộc Khmer chưa? → (Nếu “rồi”) Anh/chị có thích Bảo tàng đó không? (Nếu “có”) Vì sao? (Nếu “không”) Vì sao? → (Nếu “chưa”) Vậy anh/chị đã nghe nói về bảo tàng đó chưa? Nghe nói gì về bảo tàng đó? 3. Nếu khách du lịch hỏi thăm về các điểm tham quan, anh/chị có giới thiệu Bảo tàng Văn hoá dân tộc Khmer không? → (Nếu “có”) Vì sao? → (Nếu “không”) Vì sao? 4. Theo anh/chị, nguyên nhân hiện nay bảo tàng Khmer có ít khách tham quan là gì? 5. Với vai trò là một công dân của Trà Vinh, anh/chị nghĩ mình có thể làm gì để giúp bảo tàng Khmer được nhiều người quan tâm hơn?
12, 13, 14, 15, 16	Nhân viên ngành du lịch - dịch vụ	<i>Thông tin cá nhân</i> 1. Anh/chị làm việc trong ngành du lịch -

		dịch vụ bao lâu rồi? 2. Ở đây bao nhiêu % khách du lịch là người nước ngoài? 3. Bao nhiêu % là người Việt? <i>Về bảo tàng VHDT Khmer</i> 1. Anh/chị đã đi Bảo tàng văn hoá Khmer chưa? → (Nếu “rồi”) Anh/chị có thích Bảo tàng đó không? (Nếu “có”) Vì sao? (Nếu “không”) Vì sao? → (Nếu “chưa”) Vì sao chưa? 2. Khi khách hỏi thăm về các điểm tham quan, anh/chị và đồng nghiệp có giới thiệu Bảo tàng Văn hoá dân tộc Khmer không? → (Nếu “có”) Vì sao? → (Nếu “không”) Vì sao?
--	--	---

- **Hình ảnh tư liệu**



Hình 42: Ngày khảo sát đầu tiên ở bảo tàng - từ trái sang: Tae Woo, Minji, Eun Byul, Ki Bbeum, Ji Won, Woon Sic, Jae Sung



Hình 43: Đi làm việc ở Coffee House vì wifi ở nhà khách không hoạt động



Hình 44: Nghệ nhân múa dân tộc Khmer



Hình 45: Minji, Ki Bbeum, Eun Byul tặng quà cho học sinh nghèo



Hình 46: Nhóm nghiên cứu chụp hình với các em học sinh



Hình 47: Nhóm nghiên cứu ở Chùa Hang



Hình 48: Viết báo cáo thực tập ở Coffee House



Hình 49: Phỏng vấn sinh viên Đại học Trà Vinh



Hình 50: Phỏng vấn bạn Hsu Hsin Ya - khách tham quan bảo tàng người Đài Loan



Hình 51: Ki Bbeum, Minji ở Coffee House



Hình 52: Cầu thang đi lên khu vực trưng bày hiện vật



Hình 53: Hẹn nhóm ở Coffee House



Hình 54: Phỏng vấn cô Thạch Thị Kim Anh
- giảng viên Đại học Trà Vinh



Hình 55: Ji Won tham gia lớp học ở Chùa Hang



Hình 56: Nghe file ghi âm phỏng vấn và soạn hình ảnh



Hình 57: Eun Byul bị đau mắt nhưng vẫn làm việc



Hình 58: Woon Sic chịu trách nhiệm nghe file ghi âm



Hình 59: Đồng phục nhóm



Hình 60: Phía trước khách sạn Vĩnh Trà, nơi đoàn lưu trú



Hình 61: Nhóm nghiên cứu và giáo viên hướng dẫn



Hình 62: Ji Won phỏng vấn nhân viên nhà khách về dịch vụ du lịch văn hoá ở Trà Vinh



Hình 63: Phỏng vấn cô Georgina Alonso - khách tham quan bảo tàng người Canada



Hình 64: Woon Sic giao lưu với sinh viên Đại học Trà Vinh



Hình 65: Minji và sinh viên Đại học Trà Vinh



Hình 66: Eun Byul và sinh viên Đại học Trà Vinh



Hình 67: Ki Bbeum và... hoa



Hình 68: Woon Sic phỏng vấn nhân viên ngành du lịch - dịch vụ người Khmer